

**Ống nhựa**  
**PUN-H-SF-18X3,4-SW-25**  
Số bộ phận: 8167913

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                        | Giá trị                                                                              |
|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| Ø ngoài                                         | 18 mm                                                                                |
| bán kính uốn liên quan đến dòng chảy            | 90 mm                                                                                |
| Ø trong                                         | 11.2 mm                                                                              |
| Bán kính uốn tối thiểu                          | 36 mm                                                                                |
| Lưu ý áp dụng                                   | TPE-U Ether dựa trên                                                                 |
| Đặc tính ống                                    | thích hợp cho máng xích                                                              |
| Áp suất vận hành của khoảng nhiệt độ hoàn chỉnh | -0.095 MPA...0.6 MPA<br>-0.95 bar...6 bar<br>-13.775 psi...87 psi                    |
| Áp suất vận hành phụ thuộc vào nhiệt độ         | -0.095 MPA...1.3 MPA<br>-0.95 bar...13 bar<br>-13.775 psi...188.5 psi                |
| Lưu ý về áp suất vận hành                       | Nước: áp suất vận hành phụ thuộc vào nhiệt độ, xem sơ đồ, tối đa 0,7 MPa ở 0 - 60 °C |
| Môi chất vận hành                               | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:-:-]<br>Nước (chất lỏng, không có đá)                |
| Kiểm tra độ cháy vật liệu                       | UL94 HB                                                                              |
| Tuân thủ LABS                                   | VDMA24364-B2-L                                                                       |
| Loại phòng sạch                                 | Phần tử được cài đặt tĩnh, không thể đánh giá phù hợp theo ISO 14644-1               |
| Phù hợp với thực phẩm                           | xem thông tin tài liệu bổ sung                                                       |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                  | -35 °C...80 °C                                                                       |
| Trọng lượng sản phẩm theo chiều dài             | 0.188 kg/m                                                                           |
| Màu sắc                                         | màu đen                                                                              |
| Độ cứng Shore                                   | D 54 +/-3                                                                            |
| Ghi chú vật liệu                                | Tuân thủ RoHS                                                                        |
| Vật liệu ống                                    | TPE-U(PU)                                                                            |